



Thứ ba, ngày 8 tháng 5 năm 2018

Vietnam Daily Review

Đảo chiều cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/5/2018		•	
Tuần 7/5-11/5/2018		•	
Tháng 5/2018		•	

Điểm nhấn

- Thị trường có phiên giao dịch biến động mạnh với tình trạng phân hóa rõ nét.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BVH (+1.12 điểm), BID (+0.93 điểm), ROS (+0.93 điểm), NVL (+0.87 điểm) và VJC (+0.81 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-2.59 điểm), VCB (-1.44 điểm), VPB (-0.76 điểm), VRE (-0.69 điểm) và VIC (-0.67 điểm).
- Các cổ phiếu trụ phân hóa mạnh với các cổ phiếu Ngân hàng, Bất động sản và Dầu khí đều giảm điểm.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,753 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 15.04 điểm. Thị trường có 114 mã tăng và 163 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 1.81 điểm, đóng cửa tại 1060.45 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 1.22 điểm xuống 125.33 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 164.49 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (87.6 tỷ), VCB (50.1 tỷ) và VNM (44.7 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 31.4 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Thị trường sau phiên hồi phục mạnh hôm qua bắt đầu với tâm lý thoải mái. Nhóm ngân hàng bất ngờ biến động ngược chiều so với tín hiệu tích cực ngày hôm qua. Ngược lại nhiều cổ phiếu lớn vẫn giữ được đà tăng mạnh như ROS, VJC, BVH... khiến thị trường đảo chiều liên tục và dao động quanh mức tham chiếu. Về cuối phiên lực cầu yếu đã ko thể ngăn các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là VNM, kéo thị trường giảm điểm. BSC nhận định, thị trường vẫn đang trong giai đoạn bất ổn khi tháng 5 là tháng thiếu hụt thông tin. Nhà đầu tư nên cầm giữ cổ phiếu và điều chỉnh cơ cấu danh mục khi xuất hiện tín hiệu có lợi.

Phân tích kỹ thuật:

FPT_Tích lũy ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem **trang 2** báo cáo)

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem **trang 4** báo cáo)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1060.45**

Giá trị: 3752.81 tỷ **-1.81 (-0.17%)**

Khối ngoại (ròng): -164.49 tỷ

HNX-INDEX **125.33**

Giá trị: 643.25 tỷ **-1.22 (-0.96%)**

Khối ngoại (ròng): -31.4 tỷ

UPCOM-INDEX **56.82**

Giá trị: 249.3 tỷ **0.1 (0.18%)**

Khối ngoại(ròng): 19.27 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.9	-1.24%
Giá vàng	1,310	-0.31%
Tỷ giá USD/VND	22,770	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,028	-0.27%
Tỷ giá JPY/VND	20,877	0.04%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	-
LS TPCP 5 năm	3.5%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	99.66	VIC	87.51
SSI	17.91	VCB	50.04
BID	17.02	VNM	44.50
MSN	16.30	NT2	38.40
DXG	12.96	VJC	35.70

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Hình 1

HSX-Index Intraday

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
FPT	2.9	59.0	55	65	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
KBC	1.5	13.6	12	15	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
SBT	4.8	17.5	17	19	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CVT	0.4	48.5	46	52	NGỪNG BÁN	
HAG	0.6	5.3	5	6	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
DIG	0.6	22.0	21	24	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
PDR	1.1	32.6	30	35	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
BVH	0.7	96.5	83	103	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
NT2	2.0	30.9	30	33	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng
VIC	6.9	123.9	118	132	NGỪNG MUA	Giảm giá ngắn hạn

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

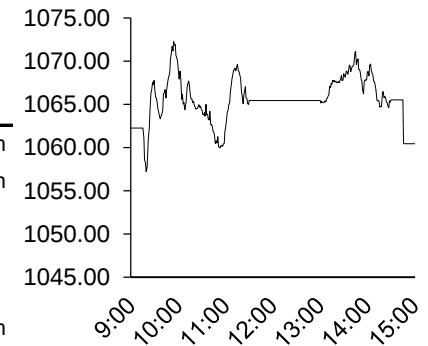
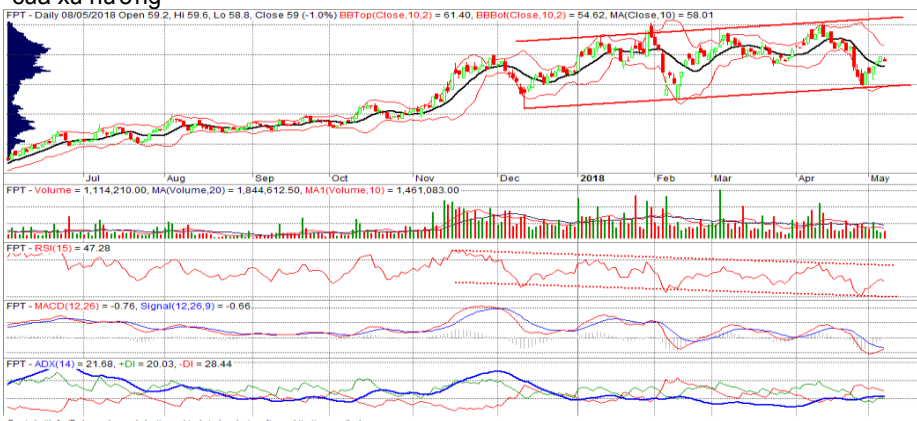
FPT_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật

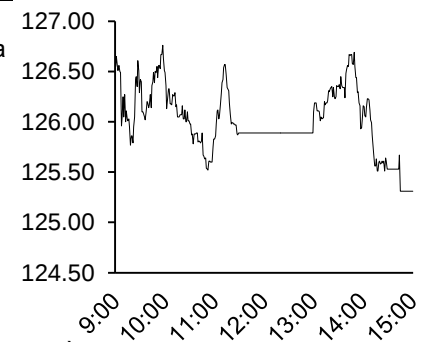
- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo MACD: Giảm sâu, có xu hướng hội tụ với đường tín hiệu
- Chỉ báo ADX: Đi ngang ở mức thấp
- Chỉ báo RSI: Giảm

Nhận định: Sau một đợt tăng giá ổn định dài hạn, mặc dù giá cổ phiếu FPT hiện tại vẫn duy trì xu hướng tăng giá với đáy sau cao hơn đáy trước, nhưng mức độ đã yếu đi và biên độ biến động giá tương đối lớn. Chỉ báo RSI có xu hướng giảm, phân kỳ với đường giá, cảnh báo sự yếu dần của sức mạnh tăng giá. Chỉ báo MACD đang có xu hướng hội tụ với đường tín hiệu sau khi giảm sâu, tuy nhiên chỉ báo ADX vẫn ở mức thấp và đi ngang, cho thấy sức mạnh xu hướng không lớn và thanh khoản đang có xu hướng giảm. Kỳ vọng giá cổ phiếu sẽ tiếp tục xu hướng tích lũy ngắn hạn xung quanh đường SMA20.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi diễn biến giá cổ phiếu. Cần thêm dòng tiền mới tham gia giúp tạo động lực cho giá cổ phiếu tăng kiểm tra lại ngưỡng kháng cự trên của xu hướng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGĐ
VN30F1805	1050.0	-0.6%	52.5%
VN30F1806	1061.0	-0.3%	24.0%
VN30F1809	1083.0	0.3%	117.4%
VN30F1812	1101.0	0.1%	-19.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	188	2.7	2.2
HPG	57	1.8	1.9
NVL	57	5.2	1.7
ROS	84	6.9	1.6
BVH	97	4.9	0.6

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SBT	18	-4	-0.4
HSG	14	-3	-0.2
VNM	185	-3	-2.8
CII	31	-2	-0.2
MWG	106	-2	-1.0

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	GTN	05/04/2018	11.60	12.00	3.4%	10.9	14.0
Trung bình					3.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	31.50	128.3%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	57.00	123.8%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	72.50	73.0%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	31.1	32.60	4.7%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	35.70	-2.9%	30.0	50.0
Trung bình					65.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	18.1	63.1%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	33.0	11.1%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	45.4	9.4%	38.3	47.0
4	VGC	06/04/2018	25.2	24.3	-3.6%	23.2	32.5
Trung bình					20.0%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	105.6	-2.2%	0.6	1,502	1.4	7,901	13.4	5.7	49.0%	45.3%	
PNJ	Bán lẻ	183.1	0.1%	0.8	872	3.0	7,307	25.1	6.2	49.0%	32.8%	
BVH	Bảo hiểm	96.5	4.9%	1.5	2,893	0.7	2,371	40.7	4.6	25.3%	11.7%	
PVI	Bảo hiểm	33.5	1.2%	0.7	338	1.5	2,363	14.2	1.1	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	123.9	-0.6%	1.2	14,397	6.9	2,337	53.0	9.2	9.9%	16.3%	
VRE	Bất động sản	45.8	-2.1%	1.0	3,836	2.0	791	57.9	3.3	32.8%	5.7%	
NVL	Bất động sản	56.7	5.2%	0.9	2,136	5.0	2,534	22.4	3.7	11.0%	18.7%	
REE	Bất động sản	36.4	-0.1%	1.0	497	0.6	4,605	7.9	1.4	49.0%	19.2%	
DXG	Bất động sản	33.7	0.0%	1.2	450	5.5	3,040	11.1	2.5	42.3%	24.6%	
SSI	Chứng khoán	35.8	-1.6%	1.3	788	6.2	2,602	13.8	2.1	55.2%	14.2%	
VCI	Chứng khoán	100.1	4.3%	0.9	529	0.7	5,790	17.3	4.0	39.5%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	72.5	-1.5%	1.2	414	0.7	6,048	12.0	3.4	58.6%	21.4%	
FPT	Công nghệ	59.0	-1.0%	0.8	1,387	2.9	5,709	10.3	2.6	49.0%	27.7%	
FOX	Công nghệ	56.0	2.9%	0.2	558	0.0	3,453	16.2	4.2	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	103.0	-0.5%	1.6	8,684	3.7	5,149	20.0	4.5	3.5%	23.9%	
PLX	Dầu khí	68.2	2.6%	1.5	3,482	1.9	2,920	23.4	3.9	12.1%	17.1%	
PVS	Dầu khí	18.0	-3.7%	1.8	354	2.5	1,786	10.1	0.7	17.7%	7.6%	
BSR	Dầu khí	20.3	-3.3%	0.1	2,773	0.7	#N/A	N/A	#N/A	N/A	57.0%	14.0%
DHG	Dược	104.0	2.0%	0.5	599	0.7	4,344	23.9	4.9	47.2%	19.5%	
DPM	Hóa chất	18.5	0.0%	0.9	319	0.4	1,426	13.0	0.9	22.1%	8.7%	
DCM	Hóa chất	12.0	1.3%	0.5	279	0.2	1,024	11.7	1.0	4.1%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	61.0	-1.8%	1.5	9,668	8.0	2,888	21.1	3.9	20.3%	19.6%	
BID	Ngân hàng	35.5	2.2%	1.4	5,346	4.8	2,030	17.5	2.5	2.7%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	30.4	-0.2%	1.5	4,986	11.0	2,103	14.5	1.7	30.0%	12.6%	
VPB	Ngân hàng	54.5	-2.5%	1.0	3,595	6.1	4,564	11.9	2.7	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	31.5	-2.2%	1.1	2,519	7.4	2,301	13.7	1.9	20.0%	15.2%	
ACB	Ngân hàng	45.4	-1.3%	1.0	2,169	5.4	2,568	17.7	2.9	29.9%	17.5%	
BMP	Nhựa	53.5	1.9%	1.1	193	0.6	5,511	9.7	1.8	70.9%	19.6%	
NTP	Nhựa	55.9	-1.9%	0.4	220	0.1	4,922	11.4	2.4	23.1%	25.1%	
MSR	Tài nguyên	27.0	-0.7%	1.4	856	0.1	286	94.4	1.7	2.1%	1.0%	
HPG	Thép	57.0	1.8%	0.9	3,809	11.8	5,565	10.2	2.5	39.7%	29.8%	
HSG	Thép	14.2	-3.4%	1.1	219	1.6	2,563	5.5	1.0	25.9%	28.8%	
VNM	Tiêu dùng	185.1	-2.6%	0.6	11,834	4.3	6,234	29.7	10.4	59.6%	35.8%	
SAB	Tiêu dùng	234.9	0.3%	0.8	6,636	0.6	7,227	32.5	10.4	9.6%	34.8%	
MSN	Tiêu dùng	97.0	0.5%	1.0	4,476	3.8	3,448	28.1	6.8	32.3%	24.3%	
SBT	Tiêu dùng	17.5	-3.6%	0.9	429	4.8	1,115	15.7	1.4	7.4%	7.4%	
ACV	Vận tải	90.0	-1.9%	0.7	8,632	0.3	1,883	47.8	7.2	3.5%	15.9%	
VJC	Vận tải	187.9	2.7%	0.9	3,736	5.5	11,356	16.5	8.0	25.0%	67.1%	
HVN	Vận tải	38.5	-1.0%	1.6	2,119	0.6	1,727	22.3	3.1	8.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.5	3.0%	0.9	349	1.0	5,793	4.7	1.2	20.4%	8.1%	
PVT	Vận tải	18.1	0.0%	1.0	224	0.2	1,670	10.8	1.4	34.0%	12.4%	
VCS	Vật liệu xây dựng	123.0	-1.8%	0.8	867	0.3	6,408	19.2	8.2	2.6%	57.9%	
VGC	Vật liệu xây dựng	24.3	-0.4%	0.9	480	3.5	1,354	18.0	1.7	34.5%	11.8%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.3	-1.5%	0.7	224	0.1	1,207	11.0	1.0	6.2%	9.4%	
CTD	Xây dựng	135.7	-0.9%	0.3	468	0.9	20,255	6.7	1.4	41.8%	22.0%	
VCG	Xây dựng	18.2	-1.1%	1.7	354	1.3	2,887	6.3	1.2	9.7%	20.4%	
CII	Xây dựng	30.6	-2.2%	0.6	332	0.6	1,208	25.3	1.5	66.6%	35.9%	
POW	Điện	14.4	0.0%	0.6	1,486	1.0	494	29.2	1.3	65.0%	4.5%	
NT2	Điện	30.9	0.8%	0.6	391	2.0	2,646	11.7	1.7	22.3%	14.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	96.50	4.89	1.12	163840.00
BID	35.50	2.16	0.93	3.01MLN
ROS	83.80	6.89	0.93	1.11MLN
NVL	56.70	5.19	0.87	2.05MLN
VJC	187.90	2.68	0.81	667910.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	185.10	-2.58	-2.59	514230.00
VCB	61.00	-1.77	-1.44	2.95MLN
VPB	54.50	-2.50	-0.76	2.50MLN
VRE	45.80	-2.14	-0.69	993570.00
VIC	123.90	-0.56	-0.67	1.26MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	38.60	6.93	0.01	10.00
HAI	3.71	6.92	0.02	2.04MLN
DAT	13.95	6.90	0.01	20.00
ROS	83.80	6.89	0.93	1.11MLN
HOT	35.70	6.89	0.01	110.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIE	8.70	-6.95	0.00	2010.00
TDW	22.90	-6.91	-0.01	20.00
VID	7.24	-6.82	-0.01	91140.00
SRF	14.20	-6.58	-0.01	80830.00
DIC	4.91	-6.48	0.00	63190.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	14.90	4.93	0.07	1.60MLN
PGS	31.80	6.00	0.06	900.00
NDN	18.80	9.94	0.06	1.06MLN
KLF	2.30	9.52	0.04	1.82MLN
PVX	2.00	5.26	0.02	3.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	45.40	-1.30	-0.50	2.70MLN
SHB	11.00	-2.65	-0.33	6.45MLN
PVS	18.00	-3.74	-0.17	3.03MLN
NVB	8.80	-2.22	-0.06	297900.00
VCS	123.00	-1.84	-0.05	49000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

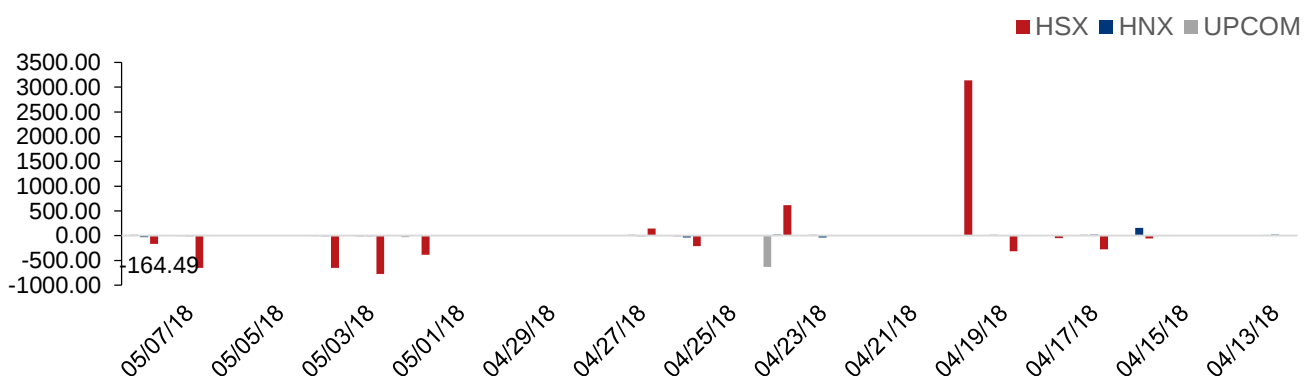
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	2.20	10.00	0.00	321800.00
VNT	27.50	10.00	0.01	500.00
NDN	18.80	9.94	0.06	1.06MLN
CVN	8.90	9.88	0.00	201300.00
CAG	67.90	9.87	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXA	0.70	-12.50	0.00	49100.00
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100.00
DID	4.60	-9.80	0.00	10100.00
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100.00
KMT	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



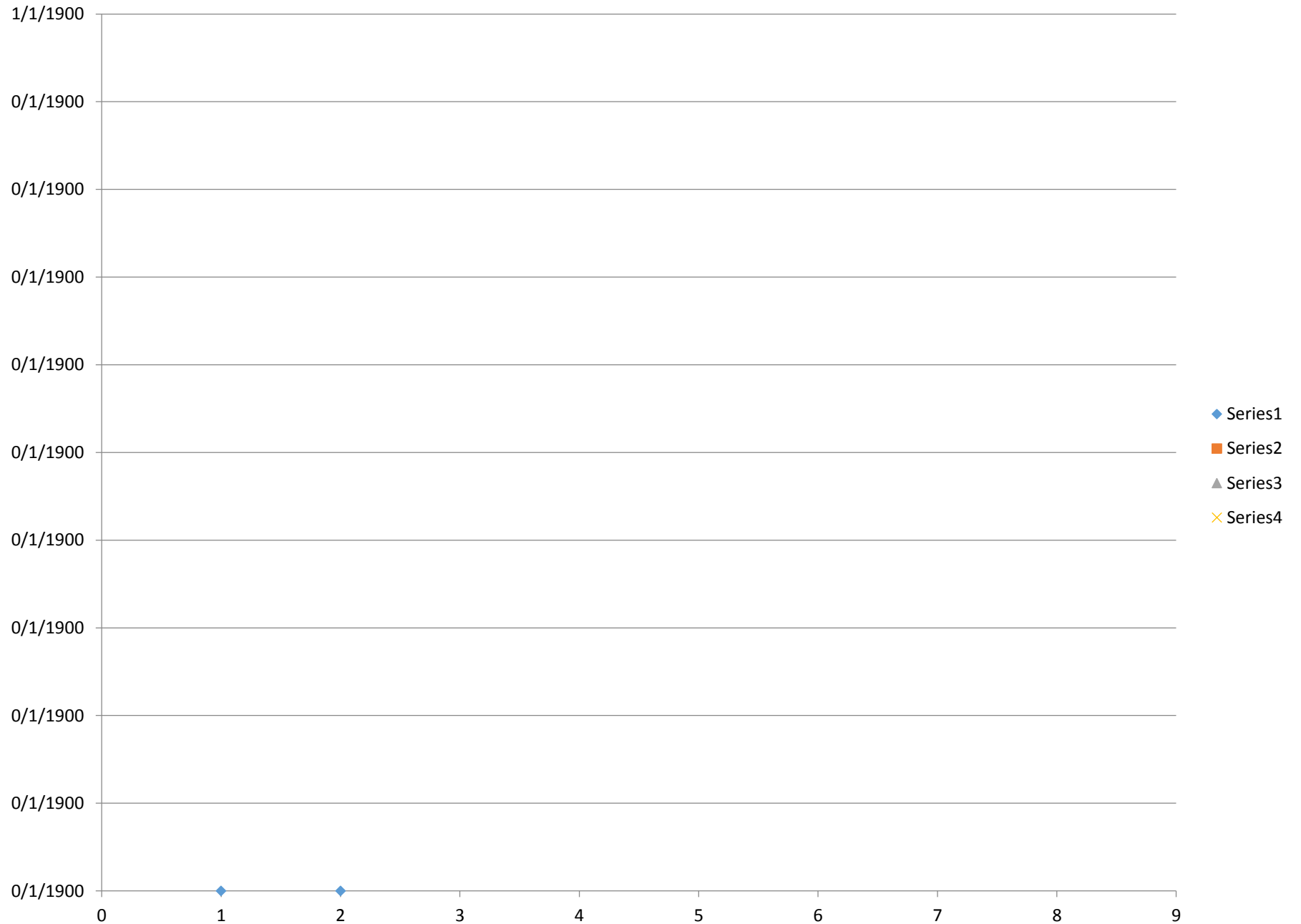
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	13.0	293	44.2	1.1	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	30.9	2,646	11.7	1.7	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	15.4	920	16.7	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.5	206	167.1	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	45.4	2,568	17.7	2.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	33.8	5,102	6.6	1.2	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	22.0	930	23.6	1.9	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	18.1	1,670	10.8	1.4	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	57.0	5,565	10.2	2.5	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	33.7	3,040	11.1	2.5	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	13.0	2,973	4.4	0.8	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	38.4	5,535	6.9	2.1	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	59.0	5,709	10.3	2.6	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	61.0	2,888	21.1	3.9	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.0	1,786	10.1	0.7	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	31.5	2,301	13.7	1.9	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	135.7	20,255	6.7	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.3	160	33.1	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	120.2	18,697	6.4	2.1	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	183.1	7,307	25.1	6.2	Click	



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

